



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản*

Tháng 7

Số 08 (15/7/2006)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- |           |   |   |    |
|-----------|---|---|----|
| 10-7-2006 | - | Quyết định số 96/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh. | 3  |
| 10-7-2006 | - | Quyết định số 97/2006/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010.        | 12 |
| 10-7-2006 | - | Quyết định số 98/2006/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010.              | 28 |

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 1**

- |           |   |   |    |
|-----------|---|---|----|
| 07-7-2006 | - | Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐND về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2006. | 45 |
|-----------|---|---|----|

- 07-7-2006 - Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2005. 48

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

- 12-7-2006 - Quyết định số 38/2006/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ánh sáng”. 51
- 12-7-2006 - Quyết định số 39/2006/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ga Sài Gòn”. 58

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

- 29-6-2006 - Nghị quyết số 60/2006/NQ-HĐND về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân quận đối với ông Vũ Hưng Bình. 65
- 29-6-2006 - Nghị quyết số 61/2006/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2005. 66
- 29-6-2006 - Nghị quyết số 62/2006/NQ-HĐND về thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2006. 68

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

- 07-7-2006 - Quyết định số 23/2006/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị sự nghiệp năm 2006. 71

**THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 96/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2006*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư  
và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP, ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 02/2006/NĐ-CP, ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu đô thị mới và Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 9 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 262/BQL-VP, ngày 14 tháng 4 năm 2006 và Giám đốc Sở Nội Vụ tại Tờ trình số 234/TTr-SNV, ngày 03 tháng 5 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3798/1998/QĐ-QLĐT, ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7, quận 8, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh và Trưởng Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Đua**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ**  
**ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 96 /2006/QĐ-UBND*  
*ngày 10 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 751/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 9 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng khu đô thị mới Nam thành phố theo đúng quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt và theo quy định của pháp luật; được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền quản lý Nhà nước một số mặt về đầu tư và xây dựng trên địa bàn Khu đô thị mới.

**Điều 2.** Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố có chức năng tổ chức vận động đầu tư; thực hiện việc quản lý Nhà nước theo chế độ “một cửa” về đầu tư và xây dựng; phối hợp với các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã trên địa bàn để quản lý các hoạt động khác có liên quan đến đầu tư, xây dựng tại Khu đô thị mới Nam thành phố theo quy hoạch tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 12 năm 1994.

**Điều 3.** Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Nam thành phố Hồ Chí Minh gọi tắt là “Ban Quản lý Khu Nam”.

Tên giao dịch quốc tế : MANAGEMENT AUTHORITY FOR SOUTHERN AREA DEVELOPMENT OF HOCHIMINH CITY (MASD).

Trụ sở: số 9 - 11 đường Tân Phú, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 4.** Ban Quản lý Khu Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định. Ban Quản lý Khu Nam được phép thu và sử dụng một số phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

**Điều 5.** Ban Quản lý Khu Nam có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm như sau:

1. Về lĩnh vực quản lý quy hoạch - kiến trúc:

a) Căn cứ vào quy hoạch tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Căn cứ vào Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị tỉ lệ 1/5000, quy chế quản lý quy hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Ban Quản lý Khu Nam tổ chức lập và thẩm định phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/2000 các khu chức năng ngoại trừ các khu A, B, C, D, E của Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng và các khu chức năng đặc biệt: công nghiệp sạch, thể dục thể thao, chợ đầu mối, khu vui chơi giải trí, khu đại học tập trung; Ban Quản lý Khu Nam là đầu mối trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy hoạch sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Ban Quản lý Khu Nam hướng dẫn lập và tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tất cả các dự án.

b) Theo dõi triển khai việc thực hiện quy hoạch và xây dựng. Đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch đối với các khu vực không thuộc thẩm quyền sao cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế;

c) Tổ chức nghiên cứu và ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền quản lý về quy hoạch xây dựng;

d) Tổ chức công bố công khai nội dung quy hoạch chi tiết đã phê duyệt, giới thiệu địa điểm, cấp chứng chỉ quy hoạch;

e) Ban hành quy định về quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về quản lý quy hoạch chung xây dựng đô thị;

g) Kiểm tra quy hoạch xây dựng kết nối cơ sở hạ tầng bên trong với bên ngoài Khu đô thị mới; kiểm tra việc thực hiện kiến trúc, cảnh quan đô thị và môi trường theo quy hoạch xây dựng được duyệt.

## 2. Về lĩnh vực quản lý xây dựng:

a) Phối hợp với cơ quan chuyên ngành thành phố hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy định quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng;

b) Kiểm tra việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch được duyệt, phát hiện các vi phạm, đề xuất các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định;

c) Thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở các dự án theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Hướng dẫn và cấp phép xây dựng công trình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

## 3. Về lĩnh vực quản lý đầu tư:

a) Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu đô thị mới, trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai thực hiện;

b) Xây dựng các phương án thu hút các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài bằng nhiều hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; nghiên cứu hướng dẫn phương thức đầu tư các dự án trọng điểm và tổ chức thực hiện đầu tư theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện sự ủy nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố, tổ chức đàm phán các khoản vay và viện trợ cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng và phúc lợi công cộng của Khu đô thị mới;

c) Lựa chọn chủ đầu tư cho các dự án trong Khu đô thị mới; hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ các dự án đầu tư theo quy định hiện hành; theo dõi kiểm tra việc triển khai thực hiện dự án;

d) Tổ chức lập và trình duyệt quy định quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị mới; tổ chức thực hiện, kiểm tra và phối hợp cùng chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan xử lý vi phạm theo pháp luật; đề xuất biện pháp chế tài cần thiết nhằm đảm bảo yêu cầu triển khai xây dựng các dự án theo quy hoạch và tiến độ quy định.

## 4. Về lĩnh vực quản lý đất đai - môi trường:

a) Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan của thành phố thực hiện việc quản lý sử dụng đất trong khu vực theo quy định; tiến

hành điều tra, khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thông báo đến Ủy ban nhân dân các quận-huyện có liên quan. Trực tiếp thẩm định hồ sơ giao đất, lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện có liên quan thực hiện quản lý môi trường theo quy định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các dự án;

c) Quản lý đất công trình công cộng không kinh doanh trong các dự án đầu tư, phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng để đầu tư các công trình công cộng đó;

d) Quản lý đầu tư xây dựng 5 Khu tái định cư đã được xác định trong quy hoạch tổng thể Khu Nam và khu đại học có diện tích khoảng 583 ha;

e) Tổ chức, kiểm tra, xử lý và kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất đối với các dự án không triển khai, chậm triển khai hoặc triển khai không đúng mục đích đầu tư;

g) Căn cứ quy định hiện hành có liên quan, Ban Quản lý Khu Nam chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các sở ngành có liên quan xây dựng chính sách trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành và tham gia với các quận - huyện trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tạm cư, tái định cư theo quy định của pháp luật;

h) Tham gia với các cơ quan chức năng tổ chức việc đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn Khu đô thị mới Nam thành phố theo quy định của pháp luật.

#### 5. Về lĩnh vực quản lý khai thác hạ tầng:

a) Quản lý thống nhất các lĩnh vực đầu tư - xây dựng và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật;

b) Tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định quản lý khai thác hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới;

c) Tổ chức lưu trữ hồ sơ thiết kế kỹ thuật và hồ sơ hoàn công công trình. Làm đầu mối tổ chức, hướng dẫn bàn giao cho các cơ quan có liên quan và đưa công trình vào khai thác sử dụng;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan liên quan của thành phố để đề xuất đặt tên đường, cấp số nhà theo quy định.



### **Chương III**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY**

**Điều 6.** Ban Quản lý Khu Nam có Trưởng Ban, các Phó Trưởng Ban và bộ máy giúp việc.

Trưởng Ban Quản lý Khu Nam do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Các Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu Nam.

**Điều 7.** Ban Quản lý Khu Nam hoạt động theo chế độ thủ trưởng, Trưởng Ban là người lãnh đạo, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Ban, chịu trách nhiệm trực tiếp với Ủy ban nhân dân thành phố.

Các Phó Trưởng Ban có trách nhiệm giúp Trưởng Ban thực hiện một số mặt công tác, chịu trách nhiệm với Trưởng Ban và cấp trên về kết quả thực hiện những nội dung đã được phân công. Những trường hợp Trưởng Ban ủy nhiệm cho các Phó Trưởng Ban giải quyết công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Trưởng Ban thì các Phó Trưởng Ban phải chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về những ý kiến và quyết định của mình.

**Điều 8.** Bộ máy tổ chức của Ban Quản lý Khu Nam:

1. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:

Ban Quản lý Khu Nam có Văn phòng và các Phòng trực thuộc; chức năng nhiệm vụ, số lượng, tên gọi các Phòng do Trưởng Ban quyết định trên cơ sở trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ và phù hợp với biên chế nhân sự được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Đơn vị sự nghiệp:

Trung tâm dịch vụ - tư vấn đầu tư xây dựng.

3. Theo yêu cầu công tác, Trưởng Ban có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập các loại hình tổ chức phòng ban trực thuộc; các đơn vị sự nghiệp, các Trung tâm dịch vụ, khai thác cơ sở hạ tầng trong quá trình triển khai đầu tư, xây dựng Khu đô thị mới.

## **Chương IV**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 9.** Ban Quản lý Khu Nam chịu sự quản lý trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố. Ban Quản lý Khu Nam có trách nhiệm báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động theo chế độ quy định và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các Bộ - Ngành Trung ương có liên quan.

**Điều 10.** Quan hệ với các Sở - Ngành thành phố:

1. Mọi quan hệ giữa Ban Quản lý Khu Nam với các Sở - Ngành thành phố là quan hệ trao đổi thông tin và phối hợp hoạt động quản lý Nhà nước giữa các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được Ủy ban nhân dân thành phố quy định;

2. Ban Quản lý Khu Nam có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác quản lý Nhà nước, quản lý ngành trên địa bàn Khu đô thị Nam thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 11.** Quan hệ với địa phương:

1. Mọi quan hệ giữa Ban Quản lý Khu Nam với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã là mối quan hệ giữa cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố với cơ quan hành chính địa phương;

2. Trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Nam được quy định trong Quy chế này, Ban Quản lý Khu Nam có trách nhiệm thông báo và phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp trong các lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, các khu dân cư, các khu tái định cư, các cơ sở kinh tế - xã hội thiết yếu liên quan đến đời sống của nhân dân địa phương.

**Điều 12.** Ban Quản lý Khu Nam có trách nhiệm tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, công bố công khai quy hoạch, kế hoạch và các chế độ, chính sách, chế độ thu phí và lệ phí có liên quan, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định. Đồng thời kiểm tra thực hiện dự án của các nhà đầu tư, xử lý vi phạm (nếu có) và kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13.** Trưởng Ban Quản lý Khu Nam căn cứ nội dung của Quy chế này, xây dựng quy chế làm việc của Ban, bố trí nhân sự, bảo đảm hoạt động có hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc có những điểm không còn phù hợp với quy định của Nhà nước, Trưởng Ban Quản lý Khu Nam có trách nhiệm kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh bổ sung, sửa đổi Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Đua**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 97/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế  
nông nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 150/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản cả nước đến năm 2010 và tầm nhìn 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 225/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 1999 về Chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp đến năm 2010;

Xét Tờ trình số 840/TTr-SNN ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố về việc phê duyệt Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 (kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện liên quan và các doanh nghiệp để triển khai chương trình, các dự án cụ thể chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của thành phố; xúc tiến thương mại, hợp đồng tiêu thụ nông sản phẩm, chuyển đổi nhanh

diện tích cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang cây trồng, vật nuôi hiệu quả cao. Xây dựng chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố giai đoạn 2006 - 2010. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, nghiên cứu chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Thương mại, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, Thủ trưởng cơ quan đoàn thể, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH  
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP  
THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2006 – 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 97 /2006/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**PHẦN I**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU  
NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

**I. NHIỆM VỤ:**

Tuy ngành nông nghiệp có tỉ trọng rất nhỏ trong cơ cấu GDP của thành phố nhưng nhiệm vụ chính trị phải hoàn thành là tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, chuyển dịch cơ cấu sản xuất có hiệu quả, bền vững nhằm thu ngắn khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa khu vực ngoại thành với nội thành, giữa thu nhập khu vực I với các khu vực khác.

Trên cơ sở dự báo, đánh giá một số mặt thuận lợi, khó khăn. Nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong thời gian tới là:

1. Xây dựng nền nông nghiệp gắn liền với đặc trưng của một đô thị lớn. Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy đặc sản; phát triển mạnh các cây con chủ lực theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Phát triển theo chiều sâu các mô hình và nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả như kinh tế trang trại, kinh tế hộ kết hợp sản xuất với kinh doanh. Đa dạng hóa và gắn kết chặt các hình thức xây dựng thương hiệu, xuất xứ, chất lượng đủ sức cung ứng các đơn hàng nông sản khối lượng lớn.

2. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình giống cây, giống con chất lượng cao phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, xây dựng và định hình các vùng sản xuất giống, hình thành hệ thống sản xuất giống hợp lý với sự tham gia của các tổ chức và cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, gắn nghiên cứu với ứng dụng chuyển giao; gắn chọn giống, tạo giống, bình tuyển giống với thị trường tiêu thụ,

thông qua hình thức kiểm định công nhận giá trị cá thể giống. Từng bước hình thành trung tâm giống của khu vực.

3. Quy hoạch, quản lý sử dụng đất nông nghiệp, đầu tư đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng thiết yếu tạo điều kiện thực hiện chuyển đổi diện tích trồng lúa. Tiếp tục đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm thủy sản thành phố ở Nhà Bè, Khu nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Công nghệ sinh học, Trung tâm giao dịch và triển lãm hoa, cây kiểng, rau an toàn ở Củ chi và các dự án thủy lợi trọng điểm.

4. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, hỗ trợ, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản, mở rộng phạm vi hoạt động và tăng tỷ trọng tín dụng của hệ thống ngân hàng cho vùng nông thôn. Từng bước hình thành phương thức liên kết sản xuất, kinh doanh nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ - tiêu thụ trên địa bàn nông thôn. Phát triển mạnh các làng nghề truyền thống ở khu vực nông thôn; đặc biệt là những làng nghề gắn du lịch và sản xuất hàng xuất khẩu.

5. Nghiên cứu, thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhằm huy động các thành phần kinh tế, các chuyên gia thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển công nghệ sinh học, chương trình giống cây, giống con chất lượng cao và nông sản chủ lực của thành phố.

6. Tăng năng suất lao động và thu nhập lao động nông nghiệp và nông thôn ngoại thành; nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên mỗi đơn vị sản xuất.

7. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn thành phố.

8. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, dịch hại cây trồng. Chú trọng vấn đề xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu và các chất kháng sinh, kích thích tăng trưởng có hại trong nuôi trồng.

9. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc tốt rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, quản lý, bảo vệ tốt khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.

## II. MỤC TIÊU:

1. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng từ 5%/năm trở lên, giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 bình quân trên 6%/năm. Trong đó: trồng trọt tăng trên 4%/năm, chăn nuôi tăng trên 6%/năm, thủy sản tăng 7 - 8%/năm, các hoạt động dịch vụ nông lâm ngư nghiệp tăng trên 5%/năm.

2. Đến năm 2010, giảm tối đa diện tích cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp chuyển sang cây trồng, vật nuôi khác hiệu quả cao, phát triển bền vững. Giá trị sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt bình quân trên 66 triệu đồng/ha/năm đối với trồng cây hàng năm; trên 100 triệu đồng/ha/năm đối với nuôi thủy sản (tăng 30% so năm 2005); bình quân chung 72 triệu đồng/ha/năm làm nền tảng cho việc nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập khu vực nông nghiệp thu hẹp khoảng cách chênh lệch gấp 3 lần hiện nay giữa khu vực thành thị và nông thôn. Xây dựng chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp gắn với việc hình thành phong trào thi đua sản xuất đạt 100 triệu đồng/ha/năm.

3. Xây dựng và định hình các vùng sản xuất giống cây, giống con, thủy đặc sản. Hình thành hệ thống sản xuất giống hợp lý với sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, gắn nghiên cứu với ứng dụng, chuyển giao; gắn chọn giống, tạo giống, bình tuyển giống với thị trường tiêu thụ thông qua hình thức kiểm định, đấu xảo giống và công nhận giá trị cá thể, quần thể giống.

4. Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn: Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và lộ trình thực hiện cụ thể để hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ở giai đoạn 2010 - 2015, nhưng nỗ lực phấn đấu để hoàn thành vào năm 2010.

5. Mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản, phấn đấu sau 3 năm có sản phẩm xuất khẩu và sau 5 năm, 60% sản phẩm tiêu thụ thông qua các hợp đồng kinh tế ổn định.

6. Cơ cấu kinh tế nông lâm ngư nghiệp đến năm 2010:

Giá trị sản xuất trồng trọt chiếm 23,5%; chăn nuôi: 36%; lâm nghiệp 1%; thủy sản 29.5%; các hoạt động dịch vụ nông lâm ngư nghiệp chiếm 10%. Phương án đã định hình vật nuôi có tính hàng hóa khác thay thế gia cầm.

### **III. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:**

#### **1. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp thành phố năm 2005:**

Tổng diện tích đất nông nghiệp thành phố năm 2005 : 123.517 ha (có 21.667 ha xen cài trong khu dân cư nông thôn), trong đó:

- Phân theo loại cây trồng, vật nuôi:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 77.955 ha, trong đó trồng cây hàng năm: 47.199 ha, trồng cây lâu năm: 30.756 ha.

- Đất lâm nghiệp có rừng: 33.858 ha (không tính rừng phòng hộ trong đất do quân đội quản lý).



- Đất nuôi trồng thủy sản: 9.765 ha (vùng nước lợ, mặn: 7.247 ha).
- Đất sản xuất muối: 1.471 ha.
- Đất nông nghiệp khác: 468 ha.

- Theo địa bàn:

• 5 huyện: 109.761 ha (đất trồng cây hàng năm 40.135 ha, cây lâu năm: 25.068 ha; đất lâm nghiệp có rừng: 33.832 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 8.887 ha; đất làm muối: 1.471 ha và đất nông nghiệp khác: 368 ha).

• Các quận còn lại: 13.756 ha (trong đó: đất trồng cây hàng năm 7.064 ha, cây lâu năm: 5.688 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 878 ha ...).

**2. Địa bàn không thực hiện chương trình chuyển đổi:** 24.155 ha, do đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư, manh mún, phát triển nhà ở nhanh. Trong đó:

- Các quận: tổng số: 1.264 ha (quận 7: 304 ha, quận 8: 288,5 ha, quận Bình Thạnh: 229 ha, quận Gò Vấp: 304 ha, quận Tân Phú: 129,8 ha, quận Tân Bình: 8,9 ha).

- Các thị trấn thuộc huyện: tổng số: 1.224 ha (Củ Chi: 180 ha, Hóc Môn: 112,7 ha, Bình Chánh: 732,6 ha, Nhà Bè: 42,6 ha, Cần Giờ: 156 ha).

- Đất sản xuất xen cài trong khu dân cư nông thôn: 21.667 ha (chủ yếu cây lâu năm 21.523 ha, ao nuôi thủy sản: 115,8 ha).

### **3. Diện tích đất nông nghiệp dự kiến chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi:**

3.1. Chuyển đổi cây trồng trong giai đoạn quá độ để chuẩn bị triển khai các dự án đầu tư: 16.900 ha/22.504 ha (còn khoảng 5.600 ha đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư các quận - huyện).

- Tập trung chuyển đổi lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác.

- Chuyển đổi trồng cây ngắn ngày có giá trị cao như rau, hoa nền, cỏ chăn nuôi ... để hạn chế phát sinh chi phí đền bù, đảm bảo tiến độ quản lý mặt bằng xây dựng.

3.2. Đất nông nghiệp ổn định, sau năm 2010 sẽ tập trung chuyển đổi để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất:

- Đất trồng cây hàng năm: 26.433 ha

- Đất trồng cây lâu năm: 26.006 ha

- Đất lâm nghiệp có rừng: 37.545 ha (mở rộng, chuyển hóa rừng)

- Đất nuôi trồng thủy sản: 9.524 ha

- Đất ruộng muối: 1.000 ha.

### 3.3. Sử dụng đất trồng cây hàng năm đến năm 2010:

- Đất trồng lúa: 9.000 ha, diện tích gieo trồng: 18.910 ha.

- Đất trồng rau: 5.700 ha, diện tích gieo trồng: 16.000 ha.

- Đất trồng cỏ chăn nuôi: 3.300 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 6.099 ha, diện tích gieo trồng: 12.900 ha, trong đó đất trồng hoa - kiểng: 2.000 ha.

## 4. Định hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp:

### 4.1. Trồng cây hàng năm:

Đất trồng lúa: đây là đối tượng chủ yếu, cần tập trung trong chuyển đổi cây trồng khác và nuôi thủy sản để nâng giá trị sử dụng đất nông nghiệp, tăng thu nhập cho hộ nông dân.

Giai đoạn 2006-2010 giảm tối đa diện tích trồng lúa khi có điều kiện, mức phấn đấu chuyển đổi trong 5 năm là 11.000 ha; Diện tích lúa đến năm 2010 còn 8.000 - 9.000 ha, trong đó: huyện Củ Chi: 5.900 ha, huyện Hóc Môn: 100 ha, huyện Bình Chánh: 2.000 - 3.000 ha.

Chuyển trồng lúa để phát triển, tăng diện tích trồng rau (3.000 - 3.500 ha); hoa, kiểng (1.000 - 1.500 ha), trồng cỏ chăn nuôi (1.500 - 2.000 ha); cây hàng năm khác (bắp, khoai, đậu phộng ...); chuyển sang nuôi thủy sản từ 700 - 1.000 ha.

Đất lúa sử dụng để thực hiện các công trình, dự án: khoảng 2.000 ha.

Trồng rau 5.700 ha, tăng 3.000 - 3.500 ha, phân bố ở Củ Chi (3.000 ha), Hóc Môn (900 ha), Bình Chánh (1.200 ha), quận 9 (200 ha) và các quận huyện khác (200 - 500 ha).

Trồng cỏ: khoảng 3.300 - 3.500 ha, tăng 1.800 - 2.000 ha; phân bố trên địa bàn các huyện Củ Chi (2.500 ha), Hóc Môn (350 ha), Bình Chánh (200 - 300 ha) và các quận huyện khác 200 - 300 ha.

Trồng cây hàng năm khác: 6.099 ha, chủ yếu được chuyển từ đất trồng lúa và đất vườn tạp (trồng hoa, kiểng, cây lương thực khác, cây công nghiệp hàng năm ...). (Riêng hoa kiểng từ : 848 ha tăng lên 2.000 ha).

### 4.2. Trồng cây lâu năm:

Đến năm 2010 còn 26.006 ha, giảm 4.750 ha do chuyển sang đất ở, đất chuyên dùng. Cơ cấu cây trồng chuyển đổi theo hướng tăng diện tích trồng cây ăn trái (tăng 4.000 - 5.000 ha; trong đó bù một số diện tích cây ăn trái ở khu vực thực hiện các dự án 1.000 - 1.500 ha). Đến năm 2010 diện tích trồng cao su 2.200 - 2.500 ha; cây ăn trái 10.300 ha, cây lâu năm khác khoảng 13.500 ha.

#### 4.3. Nuôi trồng thủy sản:

Nuôi nước ngọt: diện tích mặt nước 1.700 ha, diện tích đất sử dụng 2.336 ha, giảm 183 ha ở các quận để đô thị hóa.

Nuôi nước lợ, mặn: diện tích mặt nước nuôi 4.700 ha, diện tích đất sử dụng 7.188 ha, trong đó:

Nuôi tôm: diện tích mặt nước nuôi 4.500 ha (Cần Giờ: 4.000 ha, Nhà Bè: 500 ha), diện tích đất sử dụng: 6.920 ha.

Nuôi thủy sản khác: diện tích mặt nước nuôi 200 ha, diện tích đất sử dụng: 268 ha.

#### 4.4. Trồng rừng, cây xanh:

Quy hoạch phát triển, bảo vệ các loại rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất.

Chuyển hóa cây rừng, bảo vệ động vật rừng.

#### 4.5. Chuyển đổi trong lĩnh vực chăn nuôi:

##### 4.5.1. Chăn nuôi:

- Bò sữa:

+ Tiếp tục thực hiện chương trình bò sữa, tổng đàn đến năm 2010 khoảng 70.000 - 80.000 con.

+ Nâng cao chất lượng con giống và năng suất cho sữa qua việc sử dụng các dòng tinh cao sản (10.000 - 11.000 lít/chu kỳ).

+ Từng bước thay đổi phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ, nâng cao và chuyên nghiệp hóa trình độ quản lý trang trại để khai thác đúng tiềm năng di truyền về năng suất, chất lượng giống theo hướng chi phí hợp lý, hiệu quả cao phát triển bền vững.

- Heo: Duy trì tổng đàn ở mức 200.000 con, tăng cường sản xuất con giống và nâng cao chất lượng heo giống. Hiện đại hóa chuồng trại, hợp lý hóa quy trình chăn nuôi để tăng hệ số sử dụng chuồng trại...

- Gia cầm: Thực hiện chủ trương của thành phố, không khuyến khích nuôi trên địa bàn thành phố.

#### 4.5.2. Các vật nuôi khác:

Phát triển các loại lâm, thủy đặc sản có giá trị, có thị trường tiêu thụ như ba ba, cá sấu, ếch, một số loại bò sát, dê, thỏ ...

## **PHẦN II CÁC GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN**

### **I. CÁC GIẢI PHÁP VỀ QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, ĐỒNG BỘ HÓA CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN:**

#### **1. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp:**

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết các vùng đất nông nghiệp ổn định đến năm 2010.

- Quy hoạch chi tiết sử dụng đất nông nghiệp từng loại cây trồng, vật nuôi theo các chương trình mục tiêu phát triển của thành phố và các quận - huyện phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chung được phê duyệt, nhất là quy hoạch và xây dựng chương trình nuôi bò sữa, trồng cỏ, rau an toàn; trồng hoa - kiểng; nuôi cá sấu, ba ba, nuôi tôm; xây dựng và khai thác, bảo vệ 3 loại rừng ...

#### **2. Về đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp:**

##### **2.1. Đối với vùng nông nghiệp quá độ:**

Không đầu tư mới các công trình hạ tầng thủy lợi, cải tạo đất, các công trình phục vụ sản xuất giống.

Thực hiện duy tu, quản lý bảo vệ các công trình và cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện có, đảm bảo phục vụ sản xuất của nông dân trong quá trình thu hồi đất nông nghiệp cho các dự án.

##### **2.2. Vùng nông nghiệp ổn định sau năm 2010:**

Tập trung và đẩy nhanh tiến độ xây dựng Khu Nông nghiệp công nghệ cao; Trung tâm Thủy sản thành phố ở Nhà Bè; Trung tâm Công nghệ sinh học, các trại sản xuất giống thủy sản nước ngọt, nước lợ, nước mặn; Trung tâm Quản lý - Kiểm định giống và các dự án, chương trình đầu tư khác trong chương trình giống cây giống con chất lượng cao, đặc biệt xây dựng Trung tâm Giao dịch, triển lãm sản phẩm nông nghiệp ở huyện Củ Chi.

Đầu tư và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, các hoạt động khuyến nông, tư vấn hỗ trợ nông nghiệp, xây dựng hệ thống sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn GAP, công nghệ GIS.

2.3. Tập trung đầu tư, đồng bộ hóa công trình hạ tầng chủ yếu (thủy lợi, điện, giao thông nông thôn, điểm tập kết, trung chuyển, bảo quản nông sản) tại 12 xã điểm chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong 2 năm 2006 - 2007.

## **II. CÁC GIẢI PHÁP VỀ VỐN - TÍN DỤNG - ĐẦU TƯ:**

### **1. Vốn ngân sách:**

- Tập trung và đầu tư đúng mức cho các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, khuyến nông; giống mới, giống gốc; đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn (thủy lợi, trại sản xuất giống ...); các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ như kiểm dịch, phòng chống dịch bệnh, thú y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý, bảo vệ rừng, xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản ...

- Xây dựng và triển khai các dự án sử dụng vốn ngân sách đầu tư cho nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho 12 xã điểm, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án trọng điểm; các chương trình phát triển cây con và sản phẩm chủ lực.

- Hỗ trợ, bù lãi suất tín dụng về việc khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố giai đoạn 2006 – 2010. (*Đề xuất chính sách cụ thể thay thế Công văn số 419/UB ngày 05 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố*).

### **2. Vốn tín dụng, vốn khác:**

Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương về tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn như Quyết định số 02/2001/QĐ-TTg ngày 02 tháng 01 năm 2001 của Thủ Tướng Chính phủ về hỗ trợ đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển các dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu, sản xuất nông nghiệp...

Phối hợp với các tổ chức tín dụng, triển khai hình thức vay vốn phù hợp với điều kiện từng hộ vay, có vận dụng quy định của Ngân hàng (có thể chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay; vay bằng tín chấp, vay theo dự án sản xuất, kinh doanh) đảm bảo có hiệu quả, đồng thời kiểm tra, giám sát việc vay, cấp vốn đầu tư để đảm bảo nguồn vốn được sử dụng có hiệu quả, đúng mục tiêu và thanh toán đúng kỳ hạn.

Phối hợp với các sở ngành, đoàn thể và địa phương để huy động, sử dụng các nguồn vốn từ quỹ Xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, quỹ của các hội, đoàn

thê để hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, chuyển đất trồng lúa sang trồng các loại cây khác, nuôi thủy sản, xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường nông thôn. Khuyến khích các doanh nghiệp bán trả góp vật tư, thiết bị nông nghiệp cho nông dân, ứng vốn cho dân vay sản xuất nguyên liệu.

### **3. Vốn hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tham gia trong chuỗi chuyển đổi diện tích cây trồng, vật nuôi hiệu quả thấp sang cây trồng, vật nuôi hiệu quả cao hơn:**

- Xây dựng chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân đầu tư hạ tầng, cải tạo đồng ruộng, vay vốn sản xuất, đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, cơ sở bảo quản, chế biến sản phẩm, sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi (ưu tiên đầu tư cho giống mới phục vụ chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006-2010).

- Xây dựng thương hiệu, đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành phục vụ chương trình giống và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

### **III. CÁC GIẢI PHÁP VỀ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN:**

- Tập trung và huy động tiềm năng, nguồn lực các thành phần kinh tế để tham gia, đầu tư, thực hiện có hiệu quả cao chương trình giống cây con chất lượng cao và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Nâng cao trình độ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn.

- Nghiên cứu xây dựng, tổ chức thực hiện tiêu chí đánh giá và lộ trình đến năm 2015 hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ngoại thành.

### **IV. CÁC GIẢI PHÁP VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, TIÊU THỤ NÔNG SẢN:**

1. Từng bước củng cố và xây dựng chuỗi các ngành hàng, từng bước mở rộng chương trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời cũng như đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan:

- Từ năm 2005 - 2007: trong điều kiện các yếu tố đầu vào và đầu ra chưa đồng bộ, thị trường chủ yếu là nội địa. Công tác xúc tiến thương mại và tiêu thụ

sản phẩm tập trung cải thiện, nâng cao hiệu quả các kênh phân phối đã hình thành, từng bước nâng tỉ lệ phân phối tiêu thụ nông sản qua các doanh nghiệp, hợp tác xã, siêu thị; giảm dần hình thức người sản xuất phân phối trực tiếp cho hộ tiêu dùng. Nhân rộng phương thức sản xuất, tiêu thụ theo các đơn đặt hàng từ nhu cầu thị trường.

- Từ năm 2008 - 2010: các chương trình, dự án hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã hình thành, đưa vào khai thác phục vụ sản xuất. Các yếu tố đầu vào - đầu ra của sản phẩm nông nghiệp tương đối đồng bộ, công tác thông tin thị trường và thương mại điện tử có bước phát triển và phổ cập đến các doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh nông sản. Sau ba năm có sản phẩm xuất khẩu và sau 5 năm, 60% sản phẩm tiêu thụ ổn định thông qua các hợp đồng kinh tế.

2. Tiếp tục tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và thành phố liên quan đến hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản.

3. Tạo điều kiện và phát triển các hoạt động tư vấn, hỗ trợ nông nghiệp, nông dân; xây dựng thương hiệu nông sản; đầu tư và nâng cao chất lượng công giao dịch điện tử xúc tiến tiêu thụ nông sản; tổ chức hội thi, triển lãm chuyên ngành.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH:**

1. Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Hoàn chỉnh hệ thống thông tin, cập nhật dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch, tiến độ sản xuất phù hợp, xác thực để phản ánh đúng, để làm tốt nhiệm vụ cảnh báo, dự báo.

2. Nâng cao trình độ và kỹ thuật sản xuất cho nông dân:

Định kỳ tổ chức điều tra, phân tích quan hệ cung - cầu và chất lượng nguồn nhân lực trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn ngoại thành. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để nâng cao trình độ sản xuất của nông dân và hộ sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu trong các năm 2006 - 2008, mỗi năm có khoảng 30% số hộ nông dân chuyển đổi đất trồng lúa được tập huấn theo một quy trình từ lúc người nông dân đăng ký chuyển đổi đến nắm vững qui trình sản xuất, các yếu tố đầu vào, đầu ra của các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, các thủ tục vay vốn đầu tư cải tạo đồng ruộng để chuyển đổi đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đầu tư cho sản xuất và các bước tiếp theo cho đến khi nông dân bán được sản phẩm và thu hồi vốn.

3. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu ... với nông dân, hộ sản xuất và với vùng nguyên liệu trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

4. Đẩy mạnh chương trình tham quan, học tập kinh nghiệm sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở nước ngoài cho lực lượng cán bộ kỹ thuật, khuyến nông, nông dân sản xuất, có sự hỗ trợ kinh phí của Nhà nước.

## **VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM:**

### **1. Chương trình giống cây, con chất lượng cao đến năm 2010 và tầm nhìn đến 2015:**

Xây dựng và định hình các vùng sản giống cây, giống con, thủy đặc sản. Hình thành hệ thống sản xuất giống hợp lý với sự tham gia của nhiều tổ chức cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, gắn nghiên cứu với ứng dụng, chuyển giao; gắn chọn giống, tạo giống, bình tuyển giống với thị trường tiêu thụ thông qua hình thức kiểm định, đấu xảo giống và công nhận giá trị cá thể, quần thể giống.

### **2. Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp gắn với việc hình thành phong trào thi đua sản xuất đạt 100 triệu đồng/ha/năm.**

Đề nâng giá trị sản xuất bình quân 72 triệu đồng/ha, làm nền tảng cho việc nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập khu vực nông nghiệp, thu hẹp khoảng cách chênh lệch thu nhập gấp 3 lần hiện nay giữa khu vực thành thị và nông thôn. Tiếp tục xây dựng các chương trình cây con chủ lực và các đề án phát triển chuyên ngành:

- Chương trình phát triển rau an toàn giai đoạn 2006 - 2010.
- Chương trình phát triển bò sữa giai đoạn 2006 - 2010.
- Chương trình phát triển thủy sản giai đoạn 2006 - 2010.
- Chương trình hoa lan, cây cảnh, cá kiểng giai đoạn 2006 - 2010.
- Chương trình phát triển cá sấu.

- Đề án quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp thành phố đến năm 2010.

- Đề án xây dựng 12 mô hình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp qui mô cấp phường, xã.

- Chiến lược phát triển lâm nghiệp thành phố đến năm 2010, tầm nhìn 2020.



### **3. Các dự án trọng điểm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố:**

- Dự án xây dựng Trung tâm thủy sản thành phố tại khu vực Mương Chuối - Nhà Bè qui mô 71 ha do Ban quản lý Trung tâm thủy sản thành phố làm chủ đầu tư.

- Dự án đầu tư Khu nông nghiệp công nghệ cao 88 ha tại Củ Chi do Ban quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao làm chủ đầu tư.

- Dự án xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học thành phố tại quận 12 do Trung tâm công nghệ sinh học làm chủ đầu tư.

- Dự án xây dựng Trung tâm giao dịch và triển lãm sản phẩm nông nghiệp tại Củ Chi với qui mô khoảng 23 ha do Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp làm chủ đầu tư.

- Các dự án thủy lợi tiêu thoát nước:

- Dự án đê bao bờ hữu sông Sài Gòn.

- Dự án tiêu thoát nước kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên.

- Dự án tiêu thoát nước rạch Suối Nhum.

- Dự án đê bao bờ tả sông Sài Gòn.

- Các dự án thủy lợi vùng lúa chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi khác.

### **4. Chương trình phát triển nông thôn: tập trung các đề án, dự án bao gồm:**

- Dự án nước nông thôn và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2006 - 2010 do Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn làm chủ đầu tư.

- Đề án nhân rộng mô hình nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hợp tác hóa và dân chủ hóa do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì. Đề án đang được triển khai tại 3 xã: Thái Mỹ (Củ Chi), xã Xuân Thới Thượng (Hóc Môn), xã Bình Chánh (Bình Chánh), sẽ tổng kết để nhân rộng.

- Đề án củng cố, nâng cao kinh tế hợp tác trong nông nghiệp do Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện.

- Đối với chuyển dịch cơ cấu lao động: tập trung cho các chương trình, dự án, đề án trọng điểm như:

- Đề án đào tạo cán bộ nông nghiệp cho các phường, xã có sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố. Đề án được thực hiện từ năm 2003 đến nay và do Trường Trung học Kỹ thuật nông nghiệp thực hiện.

- Đề án thành lập quỹ đào tạo nghề cho nông dân phục vụ chương trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện. Dự kiến đề án sẽ được trình trong năm 2006.

**5. Đối với chuyển dịch các ngành dịch vụ hỗ trợ:** tập trung thực hiện các dự án, đề án bao gồm:

- Dự án xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản do Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp chủ trì, thực hiện từ năm 2006 - 2008. Dự án đã được Sở Bru chính, Viễn thông đưa vào danh mục triển khai từ năm 2006.

- Đề án phát triển các ngành dịch vụ nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

- Đề án ứng dụng qui trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản và các Hiệp hội chuyên ngành, các địa phương triển khai thử nghiệm.

- Đề án xây dựng chuỗi liên kết cung ứng thực phẩm an toàn giai đoạn 2006 - 2010 do Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp và Sở Thương mại thực hiện.

- Đề án xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp thành phố giai đoạn 2006 - 2010 do Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp chủ trì thực hiện. Dự kiến sẽ trình Ủy ban nhân dân thành phố trong đầu năm 2006.

## **VII. GIẢI PHÁP VỀ CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**1. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp của thành phố :**

- Do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng Ban, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Ban Thường trực, Sở Tài chính làm Phó Ban phụ trách tài chính, các ngành làm Ủy viên gồm có: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Sở Công nghiệp, Sở Thương mại, Hội Nông dân thành phố, Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm thành phố.

- Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Các thành viên tổ giúp việc do Ban Chỉ đạo lựa chọn.

## **2. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp các quận - huyện:**

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp địa phương do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch quận - huyện làm Trưởng Ban; Trưởng Phòng Kinh tế quận - huyện làm Phó Ban. Ban Chỉ đạo địa phương phải có bộ phận chuyên trách.

- Căn cứ vào kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Ban chỉ đạo các quận - huyện có trách nhiệm :

- Chịu trách nhiệm chính trong việc xác định diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng hình thành vùng có quy mô sản xuất hàng hóa tập trung, để chủ động phối hợp thống nhất với Ban Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu thành phố về kế hoạch triển khai cụ thể.

- Hướng dẫn các cơ quan chức năng và hội, đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã đăng ký chuyển đổi, tập huấn, huấn luyện và lập dự án vay vốn theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

- Hàng năm, Ban Chỉ đạo các quận - huyện xây dựng kế hoạch theo Chương trình Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp với các nội dung đăng ký sau: tổng vốn đầu tư, kinh phí hoàn trả phần lãi vay theo Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đề xuất tổ chức tín dụng cho vay và gửi Ban Chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

- Định kỳ hàng tháng Ban Chỉ đạo Chương trình Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp tổ chức giao ban, sơ kết, báo cáo tình hình, kết quả tổ chức thực hiện và vướng mắc về Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phù hợp thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 98/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006-2010**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 104/2002/QĐ-UB ngày 19 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố “Về chương trình, mục tiêu phát triển rau an toàn đến năm 2010”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 867/TTr-SNN-KHTC ngày 05 tháng 7 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010.

**Điều 2.** Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất rau, các tổ chức kinh tế và nông dân của các quận - huyện triển khai Chương trình được phê duyệt; đảm bảo các mục tiêu: Xây dựng các đề án, dự án chi tiết, lập kế hoạch ngân sách hàng năm cho chương trình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổng kết hàng năm, phổ biến điển hình sản xuất có hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Nông nghiệp - Nông thôn thành phố, Giám đốc Sở Nông

ngiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trồng rau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN  
RAU AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ  
GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /2006/QĐ-UBND*

*Ngày 10 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. MỤC TIÊU:**

1. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng hệ thống kiểm soát, tự kiểm soát dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn. Hạn chế đến mức thấp nhất dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật, không để xảy ra hiện tượng ngộ độc cấp tính đối với rau lưu thông trên địa bàn thành phố.

2. Sản xuất rau an toàn với giá thành hạ, chất lượng và năng suất cao theo hướng 3 giảm (giống, phân hóa học, thuốc Bảo vệ thực vật) và ứng dụng công nghệ sinh học, hạn chế thấp nhất các chỉ tiêu độc chất, đảm bảo an toàn để nâng cao sức cạnh tranh trong nội địa và trong điều kiện hội nhập với các nước trong khu vực.

3. Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn. Xây dựng vùng rau tập trung để đầu tư công nghệ quản lý GIS, tiêu chuẩn GAP và công nghệ truy nguyên nguồn gốc xuất xứ hàng hóa bằng mã vạch, phục vụ xuất khẩu từ năm 2008.

4. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người sản xuất cũng như người tiêu dùng đối với rau an toàn, góp phần tác động đến sản xuất rau tại thành phố đủ đáp ứng cho 60 - 70% nhu cầu sản lượng rau tiêu thụ của năm 2010.

**II. YÊU CẦU:**

1. Tiếp tục tập huấn, chuyên giao tiến bộ khoa học, công nghệ và giống mới cho nông dân trồng rau trên 90% nắm vững quy trình sản xuất rau an toàn. Tổ chức khảo sát, đánh giá và công nhận vùng rau an toàn chuyển đổi khoảng 3.500 ha đất trồng lúa để nâng tổng diện tích canh tác là 5.700 ha, tương ứng diện tích gieo trồng khoảng 20.000 ha, năng suất trung bình đạt trên 24 tấn/ha gieo trồng, sản lượng đạt 580.000 tấn/năm 2010.

2. Xây dựng và triển khai thực hiện tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP) một số loại rau của thành phố.

3. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát, kiểm tra để chứng nhận và cấp nhãn sản phẩm rau an toàn hoặc rau sản xuất theo quy trình GAP; tổ chức quản lý chặt chẽ về dư lượng độc chất, vi sinh vật trong rau tại các chợ đầu mối trên địa bàn thành phố.

4. Các sản phẩm rau sản xuất và kinh doanh trên địa bàn thành phố đảm bảo các tiêu chuẩn về chất lượng rau an toàn có dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật, kim loại nặng, nitrate, vi sinh vật đều dưới mức quy định của Nhà nước.

### III. NHIỆM VỤ:

#### 1. Kế hoạch phát triển diện tích rau qua các năm:

*Bảng 1: Kế hoạch phát triển diện tích rau trên địa bàn thành phố*

Đơn vị tính : ha canh tác

Năm	Bình Chánh	Củ Chi	Hóc Môn	Khác	Tổng	Tăng
2005	813	882	300	240	2.235	
2006	900	1.600	400	240	3.140	905
2007	100	2.870	500	200	3.670	530
2008	1.100	2.470	650	150	4.370	700
2009	1.200	2.950	750	100	5.000	630
2010	1.300	3.400	900	100	5.700	700

#### 2. Kế hoạch phát triển diện tích canh tác các chủng loại rau:

*Bảng 2: Chỉ tiêu phát triển diện tích canh tác rau từng chủng loại rau ở các quận huyện đến năm 2010*

Đơn vị tính: ha canh tác

Chủng loại rau	Tổng cộng	Bình chánh	Củ Chi	Hóc Môn	Q-H khác
1-Rau thủy sinh	1.020	180	530	180	130
Rau muống nước	530	50	340	80	60
Sen	330	100	120	70	40

Rau nhút	160	30	70	30	30
<b>2-Rau trồng cạn</b>	4.410	1.000	2.820	540	50
Rau muống hạt	150	50	30	20	50
Rau ăn lá	1.000	700	300	0	
Rau ăn củ, quả	3.260	250	2.490	520	
Rau gia vị	270	20	50	180	20
<b>TỔNG</b>	<b>5.700</b>	<b>1.200</b>	<b>3.400</b>	<b>900</b>	<b>200</b>

### **3. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10/2002/CT-UB ngày 15 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố:**

- Chấm dứt canh tác rau muống trên các vùng đất có nguồn nước ô nhiễm nặng. Chuyển mục đích sử dụng sang đô thị hóa hoặc chuyển đổi những vùng đất đang trồng rau muống bị ô nhiễm cả kim loại nặng lẫn vi sinh trên rau và nước sang trồng cây khác hoặc mục đích sử dụng khác.

- Quy hoạch mở rộng diện tích rau muống nước thành vùng sản xuất chuyên canh rau muống của thành phố.

## **IV. CÁC GIẢI PHÁP:**

### **1. Giải pháp đồng bộ các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất và chuyển đổi:**

#### 1.1. Đất đai:

- Quy hoạch việc sử dụng đất nông nghiệp, diện tích đô thị đến năm 2010. Phân định vùng sản xuất chuyên canh rau và vùng luân canh rau với cây trồng khác.

- Tiếp tục thống nhất với các quận - huyện lộ trình chuyển đổi và quy mô chuyển đổi các loại cây trồng phù hợp điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng của từng vùng.

#### 1.2. Giống phục vụ chuyển đổi:

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cung ứng các chủng loại giống F1 phục vụ chuyển đổi bằng các chính sách hỗ trợ như: miễn thuế kinh doanh giống phục vụ chuyển đổi, miễn thuế thuê đất ...

- Có chính sách hỗ trợ ban đầu giá giống bằng vốn khuyến nông để vận động nông dân tham gia chương trình chuyển đổi.



### 1.3. Nguồn vốn:

- Tập trung đầu tư và khai thác các nguồn vốn gồm:

+ Từ quỹ hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của thành phố.

+ Từ nguồn vốn đầu tư của các dự án nước ngoài.

+ Từ nguồn vốn của các doanh nghiệp hợp đồng đầu tư bao tiêu sản phẩm.

+ Từ các nông hộ.

- Vận động và giúp nông dân chuyển đổi lúa sang rau tham gia vào hợp tác sản xuất để có điều kiện vay vốn thuận lợi và kịp thời.

### 1.4. Lao động:

- Xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung để họ có điều kiện đầu tư, góp phần thực hiện chuyển đổi lúa sang rau ở những vùng tập trung.

- Đẩy mạnh hợp tác hóa, hỗ trợ các hợp tác xã thành lập các đội chuyên dịch vụ những khâu canh tác chuyên môn cao.

### 1.5. Cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất rau:

Xây dựng các dự án giao thông, cải tạo thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất khi chuyển lúa sang rau vì suốt thời gian dài chú tâm cây lúa, đầu tư phục vụ sản xuất lúa do đó cơ sở hạ tầng nông thôn hiện nay là chưa phù hợp với sản xuất rau.

### 1.6. Kỹ thuật canh tác:

- Xây dựng chương trình đào tạo giảng viên IPM/rau cho cán bộ kỹ thuật nông nghiệp thông qua đề án TOT 2006 - 2010 (Training of Trainer).

- Tranh thủ liên kết với các Công ty thuốc Bảo vệ thực vật cùng với Nhà nước đầu tư chương trình huấn luyện nông dân kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo hướng GAP với năng suất cao, phẩm chất tốt và giá thành hạ, hướng dẫn nông dân phòng trị sâu hại bằng thuốc vi sinh, thuốc thảo mộc để an toàn cho môi trường sinh thái.

- Xây dựng mô hình thí điểm quản lý sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn GAP cho cây ớt ở Nhuận Đức - Củ Chi (thời gian 3 năm) và một số cây trồng chủ lực khác. Nghiên cứu bổ sung xây dựng quy trình canh tác rau an toàn, trong đó chú trọng quy trình canh tác trong nhà lưới và dinh dưỡng trong sản xuất rau an toàn.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong kỹ thuật sản xuất rau an toàn như trồng rau theo hướng hữu cơ; ứng dụng các chế phẩm sinh học vào canh tác và phòng trừ sinh vật hại rau,... Đầu tư và phát triển công nghệ nuôi thả ong ký sinh, thiên địch, giống kháng sâu bệnh...

1.7. Cơ khí hóa nông nghiệp và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất rau an toàn:

- Xây dựng chương trình nghiên cứu ứng dụng cơ giới hóa từ khâu làm đất, tưới tiêu, gieo trồng, bón phân, phun thuốc Bảo vệ thực vật, thu hoạch, sơ chế, đóng gói, bảo quản sản phẩm.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ plastic các dụng cụ sử dụng trong ngành trồng rau như chà cắm, dây cột, màng phủ, lưới, khay đựng, nhà trồng rau phù hợp từng loại cây trồng.

- Nghiên cứu vật liệu bao bì đóng gói sinh học có khả năng tự phân hủy thay thế loại bao nylon bằng một loại bao bì có thể tái chế không làm ảnh hưởng đến môi sinh.

- Nghiên cứu ứng dụng thủy canh trong sản xuất rau.

- Nghiên cứu ứng dụng nhà lưới tự động, nhà trồng rau bằng nhựa dẻo.

## **2. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về phát triển rau an toàn:**

2.1. Xây dựng mô hình thí điểm quản lý chứng nhận và cấp nhãn sản phẩm rau an toàn hoặc rau sản xuất theo quy trình GAP, bao gồm:

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn sản xuất rau theo quy trình GAP.

- Xây dựng hệ thống văn bản quy định về hệ thống kiểm tra chứng nhận sản phẩm sản xuất theo quy trình rau an toàn.

- Xây dựng hệ thống công cụ kiểm tra chứng nhận sản phẩm sản xuất theo quy trình rau an toàn.

- Xây dựng hệ thống nhân lực giám sát chứng nhận quy trình sản xuất hợp chuẩn rau an toàn.

2.2. Tổ chức thực hiện quy trình khép kín về quản lý nhà nước trong Bảo vệ thực vật trên rau:

2.2.1. Công tác thanh tra Bảo vệ - Kiểm dịch thực vật:

- Hoàn thiện quy trình tổ chức thực hiện công tác kiểm tra sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật trên đồng ruộng.

- Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành mua bán thuốc Bảo vệ thực vật tại các vùng rau.

### 2.2.2. Công tác quản lý dư lượng độc chất trong rau quả:

- Cụ thể hóa chương trình hợp tác với các tỉnh về quản lý dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật tại chỗ và kiểm soát đầu vào tại thành phố theo yêu cầu kiểm tra nguồn gốc xuất xứ rau tại các chợ đầu mối.

- Đầu tư trang thiết bị bổ sung, đào tạo cán bộ để nâng cao năng lực phòng phân tích dư lượng. Tổ chức hệ thống kiểm tra và chứng nhận sản phẩm được sản xuất theo quy trình an toàn (IPM, GAP) tại nơi sản xuất.

- Phối hợp với các sở - ngành thực hiện kiểm tra dư lượng độc chất trong rau tại các chợ đầu mối dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo liên ngành Vệ sinh an toàn thực phẩm theo nội dung Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm.

### 2.2.3. Từng bước xây dựng hệ thống quản lý sản xuất theo công nghệ hiện đại:

Thí điểm mô hình ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý sản xuất và chứng nhận sản phẩm đảm bảo quản lý chính xác và thông tin nhanh những thông tin về hàng hóa, chủng loại, sản lượng cho các nhà thu mua hoặc các doanh nghiệp xuất khẩu.

## **3. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác hóa trong sản xuất tiêu thụ:**

- Tập huấn, vận động nông dân tham gia vào các tổ hợp tác, hợp tác xã để tăng cường năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh.

- Trong tiêu thụ cũng cần nghiên cứu mô hình các Công ty cổ phần nông nghiệp, tổ chức mở rộng loại hình Công ty kinh doanh thuốc Bảo vệ thực vật, phân bón, giống ... tham gia cung ứng vật tư thiết bị trồng rau và bao tiêu sản phẩm phục vụ khu công nghiệp và xuất khẩu.

- Tổ chức mối liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà: Nhà nông, Nhà nước, Nhà doanh nghiệp, Nhà nghiên cứu với những chương trình cụ thể dưới sự điều hành chỉ đạo của Ban Chỉ đạo chuyển đổi cấp thành phố.

- Có chính sách hỗ trợ các hợp tác xã địa điểm giao dịch mua bán rau an toàn; hỗ trợ các Công ty cổ phần nông nghiệp xây dựng các kho sơ chế, đóng gói, bảo quản chuyên biệt phục vụ sau thu hoạch trong những vùng rau tập trung.

- Thực hiện chương trình “Liên kết vùng rau của thành phố với các tỉnh” nhằm điều chỉnh cơ cấu rau phong phú và hợp lý cho mục đích tiêu thụ sản phẩm nội địa hay xuất khẩu. Với xuất khẩu cần phải tập trung và đồng nhất chủng loại để tạo hàng hóa, còn với nội địa thì ngược lại.

#### **4. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu “rau an toàn”:**

- Xây dựng Trung tâm thông tin, triển lãm và giao dịch hoa kiểng và rau an toàn tại huyện Củ Chi. Đẩy mạnh thực hiện các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

- Tập huấn và hỗ trợ các cá nhân, tập thể, doanh nghiệp công bố chất lượng hàng hóa rau an toàn và xây dựng thương hiệu rau an toàn. Ứng dụng công nghệ mã vạch trên bao bì sản phẩm đảm bảo trách nhiệm của người sản xuất với người tiêu dùng.

- Hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng trang web thông tin về rau an toàn, xây dựng đề án xúc tiến thương mại hướng xuất khẩu.

- Phối hợp với các ban ngành liên quan xây dựng chương trình vận động tuyên truyền tạo ý thức sử dụng rau an toàn rộng rãi trong người dân vì sức khỏe cộng đồng thông qua các phương tiện truyền thông, hội thảo, hội chợ.

- Tổ chức sản xuất đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, giá thành hạ sẽ mở rộng thị trường sang các tỉnh có khu công nghiệp tập trung như Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu...

- Xây dựng và tổ chức vùng rau chuyên canh. Xây dựng các điểm trung chuyển tại các vùng sản xuất tập trung.

- Hội chợ xúc tiến thương mại là một hình thức góp phần rất lớn trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm rau. Trong thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thành công và có tác dụng rất thiết thực cho việc giới thiệu, hợp đồng mua bán rau an toàn qua các hội chợ rau an toàn cấp thành phố.

- Cần phải bổ sung hoàn thiện hoạt động tư vấn hỗ trợ xúc tiến thương mại về sản xuất rau ngày càng sâu rộng.

#### **V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 2006 - 2010:**

##### **1. Chương trình thông tin tuyên truyền vận động nông dân về chủ trương và chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp:**

- Mục tiêu: Cung cấp cho người dân, doanh nghiệp các thông tin về chủ trương và chính sách hỗ trợ chuyển đổi.

- Nội dung thực hiện: Tổ chức tập huấn tuyên truyền, in tài liệu để đảm bảo 100% hộ nông dân, doanh nghiệp đủ thông tin về chủ trương, chính sách chuyển đổi.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.
- Dự trù kinh phí: 200 triệu đồng, trong đó:
  - + Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 200 triệu đồng.
  - + Nguồn kinh phí khác: không.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn.
- Đơn vị phối hợp: Sở Thương mại, Ủy ban nhân dân và Hội Nông dân các xã.

## **2. Đề án chọn tạo, phục tráng và ứng dụng công nghệ sản xuất giống rau chất lượng cao phù hợp với thị trường trong nước và xuất khẩu:**

- Mục tiêu:

Nghiên cứu chọn tạo và phục tráng giống chất lượng cao, ứng dụng công nghệ gieo ươm trong sản xuất giống để cung cấp giống có giá thành thấp.

- Nội dung:

+ Nhập nội, khảo nghiệm, chọn tạo các giống rau mới có năng suất, chất lượng và giá trị cao phù hợp nhu cầu thị trường, phân đầu đến năm 2010 : 95% giống rau củ quả và 80% giống rau ăn lá sử dụng giống chất lượng cao.

+ Tổ chức phục tráng các giống rau địa phương, rau gia vị.

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ gieo ươm giống rau để chuyển giao cho các cơ sở giống tại chỗ nhằm cung cấp giống đồng đều, chất lượng và giá thành thấp.

+ Xây dựng hệ thống sản xuất giống tại chỗ.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.

- Tổng kinh phí:

- Dự trù kinh phí: 4.500 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 1.000 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí Công ty kinh doanh sản xuất giống: 3.500 triệu đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Kiểm định giống cây trồng vật nuôi.

- Đơn vị phối hợp: Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, Trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức, các Công ty sản xuất giống cây trồng, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

### **3. Đề án ứng dụng cơ khí hóa nông nghiệp trong sản xuất rau an toàn:**

- Mục tiêu:

Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp cơ giới trong sản xuất rau an toàn nhằm giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm nhân công lao động trong tình hình khan hiếm lao động nông nghiệp hiện nay ở thành phố.

- Nội dung:

+ Nghiên cứu và xây dựng các mô hình ứng dụng cơ giới hóa các biện pháp canh tác như gieo hạt, làm đất, bón phân, thu hoạch, vận chuyển, phân đấu đến năm 2010 cơ giới hóa thay thế được 40% nhân công lao động.

+ Nghiên cứu và xây dựng các mô hình ứng dụng nhà lưới tự động, nhà trồng rau bằng nhựa dẻo.

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ plastic các dụng cụ sử dụng trong ngành trồng rau.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.

- Tổng kinh phí: 5.000 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 1.000 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí Công ty sản xuất máy nông nghiệp: 1.500 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí từ nông dân: 2.500 triệu đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến nông.

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, Trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Nông nghiệp.

### **4. Đề án thí điểm các mô hình sản xuất chuyển đổi từ lúa sang rau theo tiêu chuẩn qui mô toàn xã:**

- Mục tiêu:

Xây dựng mô hình thí điểm phát triển rau an toàn qui mô toàn xã nhằm tạo ra các vùng trồng rau chuyên canh tập trung, có khả năng cung cấp nguồn sản phẩm lớn.

- Nội dung thực hiện:

+ Đầu tư chuyển 700 ha canh tác trồng lúa tại 12 xã điếm sang trồng rau an toàn, nâng tổng diện tích canh tác rau tại 12 xã lên khoảng 850 ha, với sản lượng rau an toàn đạt khoảng 56.100 tấn vào năm 2010.

+ Xây dựng liên kết sản xuất và tiêu thụ ở các xã điếm nhằm sẵn sàng cung cấp các đơn đặt hàng với số lượng lớn.

+ Nghiên cứu xây dựng quy trình phòng trừ tổng hợp sinh vật hại trên rau cho các vùng chuyên canh rau.

- Thời gian: 2006 - 2010.

- Tổng kinh phí: 32.500 triệu đồng, trong đó :

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 22.500 triệu đồng (bù lãi suất 12.500 triệu, hoạt động đầu tư chuyển giao khoa học công nghệ 10.000 triệu đồng).

+ Nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, nông dân: 10.000 triệu đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện : Chi cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Phát triển nông thôn, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Hội Nông dân thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thương mại, Ủy ban nhân dân các huyện, xã.

### **5. Dự án thí điếm ứng dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP)**

- Mục tiêu:

+ Xây dựng mô hình điếm ứng dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trên một số rau vè để phổ biến, nhân rộng.

+ Đáp ứng nhu cầu thị trường nước ngoài về sản phẩm rau ăn quả đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng thí điếm mô hình GAP trên 4 loại cây rau chủ lực với tổng diện tích canh tác 200 ha, và nhân rộng mô hình trên diện tích canh tác ha 1.140 ha, với sản lượng khoảng 120.000 tấn đạt tiêu chuẩn theo GAP.

+ Hình thành vùng sản xuất chuyên canh cây rau được ứng dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm có giá trị cao phục vụ thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu ...

+ Xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở sản xuất rau GAP.

+ Xây dựng hệ thống kiểm tra giám sát quy trình sản xuất và chứng nhận sản phẩm rau sản xuất theo quy trình GAP

+ Nâng cao trình độ sản xuất, kỹ năng xúc tiến thương mại và kinh doanh cho hộ nông dân, xây dựng các tổ kinh tế hợp tác và hợp tác xã sản xuất rau an toàn theo quy trình GAP.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.

- Dự trù kinh phí: 4.200 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 2.000 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí địa phương, các doanh nghiệp: 2.200 triệu đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật.

- Đơn vị phối hợp: Chi cục Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Ủy ban nhân dân, Hội Nông dân các xã, Metro Cash & Carry, Saigon CoopMart.

## **6. Đề án Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các tác nhân phòng trừ sinh học tự nhiên để xây dựng mô hình sản xuất rau hữu cơ:**

- Mục tiêu:

Tạo ra sản phẩm rau hữu cơ phục vụ thị trường chất lượng cao trong nước và xuất khẩu.

- Nội dung:

+ Nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm sinh học vào canh tác và phòng trừ sinh vật hại rau.

+ Đầu tư và phát triển công nghệ nuôi thả ong ký sinh, thiên địch, giống kháng sâu bệnh.

+ Xây dựng mô hình ứng dụng phương pháp canh tác rau hữu cơ, phấn đấu đến 2010 thành phố có diện tích sản xuất rau hữu cơ là 150 ha, với sản lượng đạt khoảng 9.900 tấn.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.

- Tổng kinh phí: 1.500 triệu đồng, trong đó:



- + Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 1.000 triệu đồng.
- + Nguồn kinh phí địa phương và các doanh nghiệp tham gia: 500 triệu đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Công nghệ Sinh học.
- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Metro Cash & Carry, Saigon CoopMart.

### **7. Đề án quản lý dư lượng độc chất, vi sinh vật trong rau quả:**

- Mục tiêu:

Thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm, các chủ trương của Trung ương và thành phố về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng khi sử dụng các loại nông sản

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức kiểm tra, chứng nhận sản phẩm rau quả sản xuất trên địa bàn thành phố và kinh doanh tại 3 chợ đầu mối nông sản thực phẩm của thành phố đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, phấn đấu đến năm 2010: 90% rau sản xuất tại thành phố và kinh doanh tại chợ đầu mối được kiểm tra chứng nhận sản phẩm.

+ Nghiên cứu đề xuất và tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong thanh kiểm tra, giám sát và thực hiện xử lý sản phẩm rau, quả không bảo đảm quy định về chất lượng rau an toàn, sử dụng hóa chất không đúng quy định trong bảo quản rau, quả.

+ Phối hợp với các tỉnh có sản phẩm lưu thông kinh doanh tại các chợ đầu mối của thành phố trong việc kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, chất lượng rau.

- + Đầu tư trang thiết bị phân tích giám định thuốc bảo vệ thực vật rau quả.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.

- Dự trù kinh phí: 9.800 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 6.200 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí của 03 chợ đầu mối: 600 triệu đồng.

+ Nguồn thu từ các cơ sở kinh doanh rau trong chợ: 3.000 triệu đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật.
- Đơn vị phối hợp: Sở Y tế, Sở Thương mại, 03 Công ty chợ đầu mối.

### **8. Đề án nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến rau:**

- Mục tiêu:

Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp chế biến rau đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng có tiêu thụ trong nước và có khả năng xuất khẩu.

- Nội dung:

+ Nghiên cứu và ứng dụng các vật liệu bao bì đóng gói sạch.

+ Nghiên cứu các biện pháp cơ giới, vật lý, hóa học trong bảo quản rau đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Nghiên cứu các sản phẩm chế biến từ rau phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu (sản phẩm đồ hộp tươi, nước ép, trà...).

+ Phần đầu đến năm 2010 có 20% sản lượng rau sản xuất trên địa bàn được áp dụng công nghệ bảo quản chế biến mới.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.

- Tổng kinh phí: 3.500 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 1.000 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí các doanh nghiệp tham gia: 2.500 triệu đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Nông lâm Thủ Đức, Metro Cash & Carry, Saigon CoopMart. Các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến rau.

### **9. Đề án xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm rau an toàn:**

- Mục tiêu:

+ Tổ chức lại hệ thống phân phối, lưu thông, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn thành phố, phần đầu đến năm 2010: 100% các chợ, siêu thị đều kinh doanh rau an toàn.

+ Bảo đảm đầu ra cho sản phẩm rau an toàn theo hình thức hợp đồng liên kết, liên doanh giữa doanh nghiệp và hộ nông dân để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm,

phần đầu đến năm 2010: 60% rau sản xuất trên địa bàn thành phố có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm rau.

- Nội dung:

+ Xây dựng chính sách tổ chức tập hợp và hỗ trợ hoạt động của hệ thống thương nhân thu mua rau.

+ Xây dựng 04 hợp tác xã sản xuất tiêu thụ rau an toàn.

+ Tổ chức lại mạng lưới kinh doanh, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn thành phố và xây dựng các mô hình thí điểm kinh doanh rau quả an toàn tại các chợ đầu mối nông sản.

+ Xây dựng website (tiếng Việt và tiếng Anh), tele sale về sản xuất - kinh doanh và tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại về rau an toàn.

- Thời gian thực hiện: 2006 - 2010.

- Tổng kinh phí: 2.000 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 1.400 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí địa phương và các doanh nghiệp tham gia: 600 triệu đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Chi cục Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông, Sở Thương mại, các Công ty, các chợ, siêu thị trên địa bàn.

### **10. Chương trình đào tạo nguồn lực:**

- Mục tiêu:

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo các chuyên gia đầu đàn về rau an toàn trên các lĩnh vực giống, phân bón, bảo vệ thực vật; tổ chức sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

Học tập và ứng dụng nhanh các thành tựu, tiến bộ mới để nhanh chóng ứng dụng công nghệ mới vào trồng rau an toàn tại thành phố, giúp phát triển bền vững.

- Nội dung:

+ Đào tạo, huấn luyện cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất kinh doanh rau an toàn.

+ Đào tạo đội ngũ giảng viên để huấn luyện để nâng cao trình độ kỹ thuật trồng rau an toàn cho 100% nông dân trồng rau.

+ Tham quan học tập.

- Dự trù kinh phí: 1.350 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn kinh phí ngân sách thành phố cấp: 1.350 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí khác: không.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trường Trung học Nông nghiệp thành phố.

- Đơn vị phối hợp: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Chi cục Phát triển nông thôn, Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Bảo vệ thực vật.

#### **11. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất:**

- Mục tiêu: Xây dựng các dự án hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, điện phục vụ trồng rau, màu và nuôi trồng thủy sản.

- Nội dung: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như điện, đường, thủy nông...

- Thời gian: 2006 - 2010.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện, quận.

- Kinh phí do Ủy ban nhân dân các quận - huyện xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét duyệt trong năm 2006 - 2007./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**QUẬN 1****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN I****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2006/NQ-HĐND

*Quận 1, ngày 07 tháng 7 năm 2006***NGHỊ QUYẾT****Về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm  
và công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2006****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN I  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận 1 về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2006 và công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2006, báo cáo giám sát và thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế, phát biểu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 1 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân quận 1,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận 1 về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2006. Trong 6 tháng qua tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, vệ sinh môi trường, trật tự đô thị được chấn chỉnh thường xuyên. Ghi nhận một số chỉ tiêu, kế hoạch 6 tháng đầu năm 2006 theo Nghị quyết số 08/2005/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân quận 1 đã đạt từ 40% đến trên 50% chỉ tiêu đề ra như: thu ngân sách tăng, đảm bảo cân đối thu chi, ra quyết định đầu tư, khởi công mới 41/83 công trình, công bố thêm 04

phường không còn hộ nghèo dưới 4 triệu đồng/người/năm, nâng tổng số phường không còn hộ nghèo dưới 4 triệu đồng/người/năm là 05/10 phường.

Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần nhanh chóng khắc phục: công tác quyết toán vốn đầu tư các công trình còn chậm, một số công trình chuyển tiếp kéo dài chưa được khởi công. Công trình chỉnh trang hẻm chậm triển khai. Công tác bán nhà sở hữu Nhà nước theo Nghị định số 61/CP chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lúng túng nhất là khi Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006. Tình trạng trễ hạn trong việc giải quyết hồ sơ vẫn còn xảy ra trong lĩnh vực nhà đất, bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước, mặc dầu Ủy ban nhân dân quận đã có nhiều biện pháp tích cực.

**Điều 2.** Thống nhất những nội dung công tác trọng tâm 6 tháng cuối năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận đề ra, trong đó phải tập trung những giải pháp cơ bản để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2006:

1. Đẩy mạnh công tác quyết toán thuế doanh nghiệp ngoài quốc doanh, công tác thu thuế nợ đọng và thu phát sinh, phấn đấu mức thu 1.000 tỉ.

2. Tăng cường nhân sự để giải quyết công tác bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, hoàn thành đúng tiến độ đề ra.

3. Điều chỉnh, bổ sung hoàn thành quy hoạch chi tiết 1/2000. Tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng sửa chữa các công trình năm 2006 song song với việc tích cực giải ngân vốn đầu tư các công trình.

4. Bổ sung, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch quảng cáo, quy hoạch ngành nghề văn hóa và dịch vụ văn hóa giai đoạn 2006 - 2010.

5. Phấn đấu đưa 82 hộ còn lại (đã thực hiện 418/500 hộ) có thu nhập từ 5 triệu đến 6 triệu đồng/người/năm ra khỏi chương trình xóa đói giảm nghèo.

6. Tổ chức phúc tra thanh niên sẵn sàng nhập ngũ từ 18 - 25 tuổi; triển khai kế hoạch tuyển quân năm 2006 đạt chỉ tiêu pháp lệnh được giao. Tiếp tục giữ vững tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

7. Tiếp tục hoàn chỉnh quy trình “Một cửa, Một dấu”, hoàn thiện các quy trình giải quyết hồ sơ, quy trình xử lý vi phạm hành chính, quy chế phối hợp hoạt động các phòng ban. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở một cách tích cực và có hiệu quả.

8. Đồng ý thông qua Tờ trình số 778/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 1 về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010).

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết này với kết quả cao nhất.

Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận 1 giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 1 và các thành viên, các tổ chức xã hội, phối hợp tổ chức giám sát kiểm tra và vận động nhân dân thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này, kịp thời phản ánh tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của người dân đến các cơ quan chức năng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 1 Khóa IX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Bá Cần**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN I**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2006/NQ-HĐND

Quận 1, ngày 07 tháng 7 năm 2006

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2005**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN I**  
**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân quận 1 về quyết toán thu chi ngân sách quận 1 năm 2005. Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận 1,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn quyết toán ngân sách quận 1 năm 2005 (kèm theo số liệu Báo cáo số 92/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 1):

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn quận (theo phân cấp)
 

763.405.432.323 đồng đạt 112,85%
2. Tổng thu ngân sách địa phương (ngân sách cấp quận và ngân sách phường)
 

363.267.081.589 đồng đạt 243,38%
- \* Thu ngân sách cấp quận:
 

340.642.692.158 đồng
- \* Thu ngân sách phường:
 

22.624.389.431 đồng
3. Tổng chi ngân sách địa phương (ngân sách cấp quận và ngân sách phường)
 

188.828.571.424 đồng đạt 126,51%



* Chi ngân sách cấp quận:	167.001.929.820 đồng
* Chi ngân sách phường:	21.826.641.604 đồng
4. Tồn quỹ ngân sách địa phương (ngân sách cấp quận và ngân sách phường)	174.438.510.165 đồng
* Tồn quỹ ngân sách cấp quận:	165.169.833.338 đồng
(trong đó kết dư ngân sách năm 2005 là 36.272.849.028 đồng)	
* Tồn quỹ ngân sách phường:	9.268.676.827 đồng

**Điều 2.** Chấp thuận về chủ trương đối với kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận 1 về việc sử dụng kết dư ngân sách thực hiện các chương trình mục tiêu:

1. Bổ sung kinh phí trang bị đồng bộ bàn ghế học sinh và giáo viên cho các trường năm học 2006 - 2007: 1 tỉ đồng.

2. Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho Trung tâm Y tế: 1,4 tỉ đồng.

3. Đầu tư trang bị hệ thống âm thanh khu vực sảnh của Trung tâm Văn hóa quận 1: 500 triệu đồng.

4. Đầu tư 20 nhà vệ sinh công cộng khu vực trung tâm: 4,5 tỉ đồng.

5. Chấp thuận số lượng thành viên và mức phụ cấp cho hoạt động của Tổ cán sự xã hội tình nguyện 10 phường tại Tờ trình số 750/TT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận: 350 triệu đồng.

6. Bổ sung kinh phí cho ngành giáo dục: 1,35 tỉ đồng

(Để đảm bảo kinh phí hoạt động cho trường bán công thu không đủ chi)

7. Tạm ứng kinh phí cho Trường cấp 2, 3 Lương Thế Vinh đầu tư trang bị phòng multimedia: 600 triệu đồng.

8. Tạm ứng kinh phí cho Trường cấp 2, 3 Lương Thế Vinh trả nợ vay kích cầu, từ 200 - 400 triệu đồng/năm theo kế hoạch trả nợ đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt do nguồn thu của trường tại thời điểm trả nợ không đáp ứng kịp thời.

9. Trong khi chờ Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành mức thu theo quy định, tạm ứng ngân sách quận để chi cho công tác xử lý tồn tại công trình vi phạm xây dựng theo Quyết định số 207/2005/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố với mức chi tạm ứng 50.000 đồng/1 hồ sơ (ước khoảng 2.000 hồ sơ).

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân quận 1 chỉ đạo các đơn vị xây dựng phương án cụ thể trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt trước khi triển khai thực hiện đối với việc sử dụng kết dư ngân sách.

Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế, các tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân quận 1 thông qua việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2005 và giám sát việc thực hiện ngân sách theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 1 Khóa IX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Bá Cẩn**

**QUẬN 3****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2006/QĐ-UBND

Quận 3, ngày 12 tháng 7 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ánh sáng”****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 25/2001/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội; Thông tư số 10/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 25/2001/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận 3 về đổi tên gọi của “Tổ ấm Ánh sáng”; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3 về sửa đổi bổ sung quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 và Báo cáo thẩm định số 117/BC-TP ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Phòng Tư pháp quận 3,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ánh sáng” thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 14 quận 3 có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Thịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MÁI ẤM ÁNH SÁNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2006/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3)***Chương I**  
**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ****Điều 1. Chức năng**

Mái ấm Ánh sáng là đơn vị hoạt động sự nghiệp xã hội, được thành lập với mục đích nhân đạo, không vì lợi nhuận, tiếp nhận những đối tượng là những người thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống, không có điều kiện sống ở gia đình, có tư cách pháp nhân riêng.

Địa chỉ: Cơ sở Mái ấm Ánh sáng có trụ sở tại số 80/76 Trần Quang Diệu phường 14 quận 3.

**Điều 2. Nhiệm vụ**

1. Tiếp nhận, tổ chức quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ nam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn từ 8 tuổi đến 16 tuổi.
2. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng: lao động sản xuất, trợ giúp các em trong các hoạt động: tự quản, văn hóa, thể thao và các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của từng em.
3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp nhằm các em phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, nhân cách, tạo điều kiện cho các em hồi gia (nếu còn gia đình), hoặc vào đời, sống tự lập khi đến tuổi lao động.

**Chương II**  
**CƠ CẤU TỔ CHỨC****Điều 3. Cơ quan chủ quản, cơ quan phụ trách tài trợ**

1. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 là cơ quan chủ quản có trách

nhiệm quản lý Mái ấm Ánh sáng, phân công 01 cán bộ (phụ trách công tác trẻ em) theo dõi, quản lý, giúp đỡ và chịu trách nhiệm về hoạt động của Mái ấm.

2. Hội Phụ nữ từ thiện thành phố là cơ quan vận động, chủ dự án tài trợ phụ trách quản lý việc tài trợ của đối tác, phân công các thành viên của Hội phối hợp tham gia quản lý và hỗ trợ về tài chính cho hoạt động của Mái ấm Ánh sáng.

#### **Điều 4. Ban quản trị**

Ban quản trị Mái ấm gồm 3 Ủy viên: 01 đại diện Hội Phụ nữ Từ thiện thành phố làm Trưởng Ban, 01 đại diện Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 là Phó Ban Thường trực, 01 đại diện Ủy ban nhân dân phường 14 quận 3 là Ủy viên.

1. Có trách nhiệm theo dõi kiểm tra hoạt động của Mái ấm, tạo điều kiện hỗ trợ để Ban điều hành Mái ấm thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

2. Xét duyệt các đối tượng trẻ được đưa vào Mái ấm đảm bảo thực hiện đúng theo quy chế thành lập cơ sở xã hội theo quy định.

3. Có quyền đề xuất các yêu cầu, phương án để thực hiện có hiệu quả hoạt động của Mái ấm.

Các Ủy viên hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, nên không có kinh phí bồi dưỡng.

#### **Điều 5. Ban điều hành**

Ban điều hành Mái ấm gồm 03 nhân viên: 01 Trưởng Mái ấm, 01 giáo dục viên và 01 cấp dưỡng. Ban điều hành đảm nhận việc tiếp cận, nuôi dạy và tổ chức các mặt hoạt động cho các cháu, phân công nhau làm việc và quản lý các cháu 24/24 giờ trong ngày tại Mái ấm. Ngoài ra còn vận động các cộng tác viên công tác xã hội đến dạy học và tổ chức sinh hoạt cho các cháu.

1. Trưởng Ban điều hành Mái ấm (gọi tắt là Trưởng Mái ấm): chịu trách nhiệm với Ủy Ban DSGĐ&TE Quận 3 và Hội Phụ nữ từ thiện thành phố về toàn bộ hoạt động của Mái ấm Ánh sáng. Thực hiện tốt nội dung chương trình hoạt động. Có trách nhiệm phối hợp với địa phương trong việc đảm bảo an toàn trật tự cho Mái ấm và các hoạt động khác nhằm mục đích tạo mọi quyền lợi tốt nhất cho trẻ đang được nuôi dưỡng tại Mái ấm. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện kinh phí tài trợ và các nguồn ủng hộ khác theo đúng quy định thu, chi tài chính.

2. Giáo dục viên:

Thực hiện công tác nghiệp vụ giáo dục viên như tiếp cận, lập phiếu xã hội,

vãng gia, tư vấn, hồi gia, hướng nghiệp và tham gia việc nuôi dạy trẻ tại Mái ấm. Giữ gìn phẩm chất đạo đức, gương mẫu và yêu trẻ.

### 3. Bảo mẫu, cấp dưỡng:

Phụ trách về cấp dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, quản lý trật tự vệ sinh của Mái ấm.

Ban Điều hành Mái ấm được hưởng lương và phúc lợi từ tiêu chuẩn tài trợ của đối tác dự án (do Hội Phụ nữ từ thiện vận động, không có ngân sách quỹ lương từ trợ cấp Nhà nước).

## **Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

### **Điều 6. Quản lý đối tượng nuôi dưỡng**

1. Đối tượng được tiếp nhận: Mái ấm Ánh sáng có khả năng tiếp nhận khoảng 25 - 26 trẻ em nam, độ tuổi từ 8 tuổi đến 16 tuổi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. Nhiệm vụ của trẻ tại Mái ấm: có nhiệm vụ chấp hành nội quy Mái ấm, tham gia lao động tự quản, rèn luyện đạo đức, nhân cách.

3. Quyền lợi của trẻ tại Mái ấm: có quyền lợi được nuôi dưỡng, được đến trường học chữ, học nghề, bồi dưỡng năng khiếu, được chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí. Khi đến tuổi rời Mái ấm được giúp đỡ tìm việc làm để tự lập sinh sống.

### **Điều 7. Quản lý tài chính**

Nguồn tài chính hoạt động: từ dự án hợp tác tài trợ được ký giữa Hội Phụ nữ từ thiện thành phố và tổ chức LORETO - ÚC, địa chỉ: 73 đường Vincent Place south. Albert Park 3026 Victoria Australia và từ nguồn tài trợ bổ sung do Hội Phụ nữ từ thiện thành phố và Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 vận động.

1. Hàng tháng, Trưởng mái ấm có trách nhiệm dự trù kinh phí và nhận kinh phí hoạt động cho Mái ấm do Hội Phụ nữ từ thiện thành phố chi từ nguồn tài trợ Mái ấm của dự án.

2. Ban điều hành có trách nhiệm lập sổ sách thu chi, có chứng từ theo đúng luật định, hàng tháng báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động cho Hội Phụ nữ từ thiện thành phố và Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3.

3. Có sổ sách theo dõi các khoản tiếp nhận do mạnh thường quân hỗ trợ trực tiếp cho Mái ấm.

4. Hàng quý, Hội Phụ nữ từ thiện thành phố làm báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động Mái ấm cho đối tác tài trợ, cho Ban quản trị Mái ấm, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 báo cáo cho Thường trực Ủy ban nhân dân quận 3, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 3 và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 3 để báo cáo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

### **Điều 8. Quản lý tài sản**

1. Ban điều hành Mái ấm có trách nhiệm bảo quản tài sản được cấp, cho từ dự án, từ ngân sách của Quận, từ các mạnh thường quân.

2. Lập sổ theo dõi quản lý theo đúng mẫu quy định. Hàng năm gửi bản kiểm kê tài sản có đánh giá cho Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 và Hội Phụ nữ từ thiện thành phố.

### **Điều 9. Chế độ kiểm tra**

1. Mỗi 06 tháng/1lần, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 cùng Hội Phụ nữ từ thiện thành phố kiểm tra tài chính và hoạt động của Mái ấm.

2. Hàng năm vào cuối tháng 12 sẽ kiểm tra và đánh giá tài sản của Mái ấm do Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 chủ trì có sự tham dự của Hội Phụ nữ từ thiện thành phố.

Ngoài ra có thể phối hợp tổ chức kiểm tra đột xuất về tài chính và tài sản khi có yêu cầu.

### **Điều 10. Chế độ hội họp**

1. Hàng tháng, Trưởng Ban điều hành Mái ấm sẽ dự họp giao ban với Hội Phụ nữ từ thiện thành phố để báo cáo tình hình hoạt động.

2. Ban quản trị họp 01 quý/1lần do Thường trực Ban quản trị triệu tập để trao đổi các nội dung phối hợp hoạt động.

3. Mỗi 06 tháng/1 lần Trưởng Ban điều hành họp định kỳ với Ban Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 để báo cáo kết quả hoạt động và phương hướng tới.

4. Ban điều hành sinh hoạt với các cháu mỗi tuần 01 lần, hội ý hàng ngày và họp bất thường nếu có vấn đề đột xuất.

### **Điều 11. Chế độ khen thưởng**

1. Ban Quản trị và Ban điều hành Mái ấm được tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do ngành chức năng và các tổ chức xã hội tổ chức (nếu có).



2. Tập thể và cá nhân cán bộ, công nhân viên của Mái ấm được khen thưởng hàng năm khi hoàn thành tốt nhiệm vụ.

#### **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12.** Tất cả các thành viên của cơ sở Mái ấm Ánh sáng có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này .

Trong quá trình thực hiện nếu có những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình và các quy định mới của Nhà nước, cơ sở Mái ấm cùng Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận đề xuất Ủy ban nhân dân quận sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Định kỳ hàng năm, cơ sở Mái ấm cùng với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận tổ chức sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy chế.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Thịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2006/QĐ-UBND

*Quận 3, ngày 12 tháng 7 năm 2006*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động**  
**của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ga Sài Gòn”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 25/2001/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội; Thông tư số 10/2002/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2002 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 25/2001/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận 3 về thành lập “Mái ấm ga Sài Gòn”; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3 về sửa đổi bổ sung Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 và Báo cáo thẩm định số 117/BC-TP ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Phòng Tư pháp quận 3,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội “Mái ấm Ga Sài Gòn” thuộc Ủy ban nhân dân quận 3.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 9 quận 3 có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Thịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA MÁI ẤM GA SÀI GÒN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-UBND*  
*ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3)*

**Chương I**  
**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ**

**Điều 1. Chức năng**

Mái ấm Ga Sài Gòn là đơn vị hoạt động sự nghiệp xã hội, được thành lập với mục đích nhân đạo, không vì lợi nhuận, tiếp nhận những đối tượng là những người thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống, không có điều kiện sống ở gia đình, có tư cách pháp nhân riêng.

Địa chỉ: Cơ sở Mái ấm ga Sài Gòn có trụ sở tại số 16/99, 16/101 Kỳ Đồng phường 9 quận 3.

**Điều 2. Nhiệm vụ**

1. Tiếp nhận, tổ chức quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn từ 6 tuổi đến 16 tuổi.

2. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng: lao động sản xuất, trợ giúp các em trong các hoạt động: tự quản, văn hóa, thể thao và các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của từng em.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp nhằm các em phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, nhân cách, tạo điều kiện cho các em hồi gia (nếu còn gia đình), hoặc vào đời, sống tự lập khi đến tuổi lao động.

**Chương II**  
**CƠ CẤU TỔ CHỨC**

**Điều 3. Cơ quan chủ quản, cơ quan phụ trách tài trợ**

1. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 là cơ quan chủ quản có trách

nhiệm quản lý Mái ấm Ga Sài Gòn, phân công 01 cán bộ (phụ trách công tác trẻ em) theo dõi, quản lý, giúp đỡ và chịu trách nhiệm về hoạt động của Mái ấm.

2. Hội Phụ nữ từ thiện thành phố là cơ quan vận động, chủ dự án tài trợ phụ trách quản lý việc tài trợ của đối tác, phân công các thành viên của Hội phối hợp tham gia quản lý và hỗ trợ về tài chính cho hoạt động của Mái ấm Ga Sài Gòn.

#### **Điều 4. Ban quản trị**

Ban quản trị Mái ấm gồm 3 Ủy viên: 01 đại diện Hội Phụ nữ từ thiện thành phố làm Trưởng Ban, 01 đại diện Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 là Phó Ban Thường trực, 01 đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ Ủy ban nhân dân phường 9 quận 3 là Ủy viên.

1. Có trách nhiệm theo dõi kiểm tra hoạt động của Mái ấm, tạo điều kiện hỗ trợ để Ban điều hành Mái ấm thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

2. Xét duyệt các đối tượng trẻ được đưa vào Mái ấm đảm bảo thực hiện đúng theo quy chế thành lập cơ sở xã hội theo quy định.

3. Có quyền đề xuất các yêu cầu, phương án để thực hiện có hiệu quả hoạt động của Mái ấm.

Các Ủy viên hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, nên không có kinh phí bồi dưỡng.

#### **Điều 5. Ban điều hành**

Ban điều hành Mái ấm gồm 03 nhân viên : 01 Trưởng Mái ấm, 01 giáo dục viên và 01 cấp dưỡng. Ban điều hành đảm nhận việc tiếp cận, nuôi dạy và tổ chức các mặt hoạt động cho các cháu, phân công nhau làm việc và quản lý các cháu 24/24 giờ trong ngày tại Mái ấm. Ngoài ra còn vận động các cộng tác viên công tác xã hội đến dạy học và tổ chức sinh hoạt cho các cháu.

1. Trưởng Ban điều hành Mái ấm (gọi tắt là Trưởng Mái ấm): chịu trách nhiệm với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 và Hội Phụ nữ từ thiện thành phố về toàn bộ hoạt động của Mái ấm Ga Sài Gòn. Thực hiện tốt nội dung chương trình hoạt động. Có trách nhiệm phối hợp với địa phương trong việc đảm bảo an toàn trật tự cho Mái ấm và các hoạt động khác nhằm mục đích tạo mọi quyền lợi tốt nhất cho trẻ đang được nuôi dưỡng tại Mái ấm. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện kinh phí tài trợ và các nguồn ủng hộ khác theo đúng quy định thu, chi tài chính.

## 2. Giáo dục viên:

Thực hiện công tác nghiệp vụ giáo dục viên như tiếp cận, lập phiếu xã hội, vãng gia, tư vấn, hồi gia, hướng nghiệp và tham gia việc nuôi dạy trẻ tại Mái ấm. Giữ gìn phẩm chất đạo đức, gương mẫu và yêu trẻ.

## 3. Bảo mẫu, cấp dưỡng:

Phụ trách về cấp dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, quản lý trật tự vệ sinh của Mái ấm.

Ban Điều hành Mái ấm được hưởng lương và phúc lợi từ tiêu chuẩn tài trợ của đối tác dự án (do Hội Phụ nữ từ thiện vận động, không có ngân sách quỹ lương từ trợ cấp Nhà nước).

## **Chương III** **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

### **Điều 6. Quản lý đối tượng nuôi dưỡng**

1. Đối tượng được tiếp nhận: Mái ấm Ga Sài Gòn có khả năng tiếp nhận khoảng 20 - 22 trẻ em nữ, độ tuổi từ 6 đến 16 tuổi, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. Nhiệm vụ của trẻ tại Mái ấm: có nhiệm vụ chấp hành nội quy Mái ấm, tham gia lao động tự quản, rèn luyện đạo đức, nhân cách.

3. Quyền lợi của trẻ tại Mái ấm: có quyền lợi được nuôi dưỡng, được đến trường học chữ, học nghề, bồi dưỡng năng khiếu, được chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí. Khi đến tuổi rời Mái ấm được giúp đỡ tìm việc làm để tự lập sinh sống.

### **Điều 7. Quản lý tài chính**

Nguồn tài chính hoạt động: từ dự án hợp tác tài trợ được ký giữa Hội Phụ nữ từ thiện thành phố và Ông Bà JOS-YONNE VAN OPDORP doanh nhân Hà Lan và từ nguồn tài trợ bổ sung do Hội Phụ nữ từ thiện thành phố và Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 vận động.

1. Hàng tháng, Trưởng Mái ấm có trách nhiệm dự trù kinh phí và nhận kinh phí hoạt động cho Mái ấm do Hội Phụ nữ từ thiện thành phố chi từ nguồn tài trợ Mái ấm của dự án.

2. Ban điều hành có trách nhiệm lập sổ sách thu chi, có chứng từ theo đúng luật định, hàng tháng báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động cho Hội Phụ nữ từ thiện thành phố và Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3.

3. Có sổ sách theo dõi các khoản tiếp nhận do mạnh thường quân hỗ trợ trực tiếp cho Mái ấm.

4. Hàng quý, Hội Phụ nữ từ thiện thành phố làm báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động Mái ấm cho đối tác tài trợ, cho Ban quản trị mái ấm, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 báo cáo cho Thường trực Ủy ban nhân dân quận 3, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 3 và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 3 để báo cáo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

### **Điều 8. Quản lý tài sản**

1. Ban điều hành Mái ấm có trách nhiệm bảo quản tài sản được cấp, cho từ dự án, từ ngân sách của quận, từ các mạnh thường quân.

2. Lập sổ theo dõi quản lý theo đúng mẫu quy định. Hàng năm gửi bản kiểm kê tài sản có đánh giá cho Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 và Hội Phụ nữ từ thiện thành phố.

### **Điều 9. Chế độ kiểm tra**

1. Mỗi 06 tháng/1lần Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 cùng Hội Phụ nữ từ thiện thành phố kiểm tra tài chính và hoạt động của Mái ấm.

2. Hàng năm vào cuối tháng 12 sẽ kiểm tra và đánh giá tài sản của Mái ấm do Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 chủ trì có sự tham dự của Hội Phụ nữ từ thiện thành phố.

Ngoài ra có thể phối hợp tổ chức kiểm tra đột xuất về tài chính và tài sản khi có yêu cầu.

### **Điều 10. Chế độ hội họp**

1. Hàng tháng, Trưởng Ban điều hành Mái ấm sẽ dự họp giao ban với Hội Phụ nữ từ thiện thành phố để báo cáo tình hình hoạt động.

2. Ban quản trị họp 01 quý/1lần do Thường trực Ban quản trị triệu tập để trao đổi các nội dung phối hợp hoạt động.

3. Mỗi 06 tháng/1 lần Trưởng Ban điều hành họp định kỳ với Ban Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận 3 để báo cáo kết quả hoạt động và phương hướng tới.

4. Ban điều hành sinh hoạt với các cháu mỗi tuần 01 lần, hội ý hàng ngày và họp bất thường nếu có vấn đề đột xuất.

### **Điều 11. Chế độ khen thưởng**

1. Ban Quản trị và Ban điều hành Mái ấm được tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do ngành chức năng và các tổ chức xã hội tổ chức (nếu có).

2. Tập thể và cá nhân cán bộ, công nhân viên của Mái ấm được khen thưởng hàng năm khi hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12.** Tất cả các thành viên của cơ sở Mái ấm Ga Sài Gòn có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình và các quy định mới của Nhà nước, cơ sở Mái ấm cùng Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận đề xuất Ủy ban nhân dân quận sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Định kỳ hàng năm, cơ sở Mái ấm cùng với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quận tổ chức sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy chế.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Thành**



**QUẬN TÂN BÌNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2006/NQ-HĐND

*Tân Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2006***NGHỊ QUYẾT****Về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân quận  
đối với ông Vũ Hưng Bình****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Điều 46 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận Tân Bình tại Văn bản số 24/CV-MT ngày 22 tháng 6 năm 2006 về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân quận đối với ông Vũ Hưng Bình;

Căn cứ kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân quận tại kỳ họp lần 6,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân quận Tân Bình khóa IX, nhiệm kỳ 2004 - 2009 đối với ông Vũ Hưng Bình.

**Điều 2.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và ông Vũ Hưng Bình chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Tân Bình khóa IX, kỳ họp thứ 6 ngày 29 tháng 6 năm 2006 thông qua./.

**CHỦ TỊCH****Đặng Văn Cường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2006/NQ-HĐND

*Tân Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2006*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phê chuẩn quyết toán ngân sách quận năm 2005**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**  
**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Hội đồng nhân dân quận về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân quận về tình hình thực hiện quyết toán ngân sách năm 2005; Báo cáo thẩm định số 54/BC-KTXH ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2005, như sau:

1. Về thu:

- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 440,053 tỷ đồng, đạt 108,03% dự toán thành phố (407,350 tỷ đồng); tăng 9,42% so cùng kỳ (402,178 tỷ đồng).

- Tổng thu ngân sách quận là 320,362 tỷ đồng, đạt 237,76% dự toán thành phố (134,741 tỷ đồng) và đạt 149,60% dự toán quận (181,759 tỷ đồng). Trong đó thu kết dư năm 2004 chuyển sang là 70,477 tỷ đồng; bổ sung cân đối ngân sách thành phố là 61,391 tỷ đồng.

## 2. Về chi:

Tổng chi ngân sách quận thực hiện trong năm 2005 là 222,406 tỷ đồng, đạt 165,06% dự toán thành phố (134,741 tỷ đồng).

Gồm:

+ Chi đầu tư phát triển: 34,418 tỷ đồng.

+ Chi thường xuyên: 187,988 tỷ đồng.

## 3. Kết dư ngân sách quận năm 2005: 97,956 tỷ đồng.

Chuyển phần kết dư ngân sách năm 2005 sang ngân sách năm 2006.

(Kèm theo các phụ lục của Báo cáo số 36B ngày 27 tháng 5 năm 2006 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về quyết toán thu chi ngân sách năm 2005).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện các thủ tục quyết toán ngân sách năm 2005 theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Tân Bình khóa IX, thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 29 tháng 6 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Đặng Văn Cường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2006/NQ-HĐND

*Tân Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2006*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm  
và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2006**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**  
**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, và các ngành liên quan về kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2006; phát biểu của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận; trong phiên họp ngày 29 tháng 6 năm 2006 kỳ họp lần 6 của Hội đồng nhân dân quận khóa IX nhiệm kỳ 2004 – 2009,

### **QUYẾT NGHỊ:**

#### **I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006:**

- Nhất trí với báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận; báo cáo thẩm định của 2 Ban và chương trình công tác 6 tháng cuối năm của Hội đồng nhân dân và của 2 Ban Hội đồng nhân dân.

- Hội đồng nhân dân quận nhất trí thông qua báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2006.

## **II. NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2006:**

Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của năm 2006 và xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội an ninh quốc phòng năm 2007, trong đó cần chú trọng thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu.

Cụ thể:

### **1. Về Kinh tế:**

Xây dựng và điều chỉnh quy hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội kết hợp chỉnh trang nâng cấp đô thị theo phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ sang thương mại - dịch vụ, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

### **2. Về Xây dựng cơ bản - nhà đất - giao thông công chính:**

- Triển khai thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà theo kế hoạch.

- Hoàn thành kế hoạch của quận về việc lập quy hoạch gắn liền với kế hoạch sử dụng đất năm 2006 - 2010 và lập sổ bộ địa chính cho 15 phường.

- Tập trung thực hiện tốt các hạng mục công trình theo kế hoạch.

### **3. Về Tài chính - Kế hoạch:**

Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu thu - chi ngân sách năm 2006, xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và dự kiến phân bổ ngân sách năm 2007.

### **4. Về Văn hóa- Xã hội:**

- Tiếp tục vận động nhân dân thực hiện các nội dung theo tiêu chuẩn đăng ký phường Văn hóa; phấn đấu có từ 1 đến 2 phường đạt tiêu chuẩn phường Văn hóa và thực hiện ra mắt đăng ký xây dựng thêm 2 phường Văn hóa.

- Tập trung đầu tư trang bị cơ sở vật chất, trường lớp chuẩn bị cho năm học 2006 - 2007; hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học 15/15 phường.

- Thực hiện tốt chương trình “xóa đói giảm nghèo”, hoàn thành chỉ tiêu đưa 30% hộ nghèo ra khỏi chương trình.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, hỗ trợ người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng.

- Triển khai thực hiện quy hoạch kinh doanh năm 2006 - 2007 đối với 6 ngành nghề theo chỉ đạo của thành phố.

### **5. Về an ninh quốc phòng:**

- Ngành công an phối hợp với các ngành giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Kiểm tra thường xuyên các hoạt động kinh doanh các ngành nghề dễ phát sinh tệ nạn xã hội như nhà hàng, khách sạn, karaoke...

- Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu “3 giảm”, chuyển hóa có hiệu quả địa bàn trọng điểm, giải quyết tốt tình trạng người lang thang, ăn xin trên địa bàn.

- Xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu, duy trì công tác sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện hội thao cấp thành phố đạt kết quả tốt.

Ngoài ra, các ngành các cấp tăng cường thực hiện công tác quản lý Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của quận.

### **III. TRONG KỲ HỌP NÀY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN:**

Nhất trí biểu quyết thông qua việc điều chỉnh địa giới hành chính giữa phường 15 quận Tân Bình với phường 12 quận Gò Vấp theo Tờ trình số 578/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận tại kỳ họp.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết này.

Giao cho Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân quận phối hợp hoạt động, giám sát và kiểm tra để thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận.

Hội đồng nhân dân quận kêu gọi nhân dân, cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang, các ngành, các cấp nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, năng động, sáng tạo, cần kiệm, phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2006./.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đặng Văn Cường**

**HUYỆN CẦN GIỜ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2006/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 07 tháng 7 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH****Về giao chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị sự nghiệp năm 2006****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 34/2006/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2006;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay giao chỉ tiêu biên chế năm 2006 cho các đơn vị sự nghiệp như sau:

STT	Đơn vị	Tổng số	Chia ra		HD ngoài chỉ tiêu (không tính vào TS)
			SN	NĐ 68/CP	
01	Ngành giáo dục	1.245	1.184	61	25
02	Trung tâm Y tế	187	181	06	-
03	Trung tâm Văn hóa	23	22	01	02
04	Trung tâm Thể dục – TT	10	10	-	05

05	Trung tâm Dạy nghề	13	12	01	02
06	Hội Chữ thập đỏ	06	06	-	-
07	Hội Nghề cá	02	02	-	01
08	Văn phòng Đăng ký QSD đất	06	06	-	-
09	Ban Quản lý rừng phòng hộ	45	45	-	-
10	BQL Khu Du lịch 30/4	07	07	-	-
11	Đội Quản lý trật tự Đô thị	03	03	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.547</b>	<b>1.478</b>	<b>69</b>	<b>35</b>

**Điều 2.** Thủ trưởng các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, phân công cán bộ, công chức phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo số lượng biên chế đã được phân bổ. Khi các đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ Ủy ban nhân dân huyện sẽ có quyết định điều chỉnh biên chế cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị được giao chỉ tiêu biên chế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đoàn Văn Thu**

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt – Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**